TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/DS-ST
Ngày: 25/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Hồ Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Hồng B**, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị T ,** sinh năm 1980 và anh **Trần Minh T1** , sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp N, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng B trình bày: Từ năm 2020 đến năm 2023, bà có tham gia 7 phần hụi tháng và hụi ngày do chị T làm chủ hụi. Vì thời gian quá lâu nên bà không nhớ cụ thể ngày tháng năm mở hụi. Đến tháng 4/2023 thì chị T tuyên bố bể hụi. Đến ngày 29/4/2023 bà và chị T tính toán và chốt tiền hụi chị T còn nợ bà số tiền

165.00.000đồng, hai bên có làm giấy xác nhận nợ với nhau. Chị T thỏa thuận trả nợ thành 3 đợt nhưng sau đó chị T không thực hiện. Bà khởi kiện yêu cầu chị T có trách nhiệm trả tiền hụi là 165.000.000đồng. Hiện nay chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau, chị chỉ yêu cầu một mình chị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị làm chủ hụi từ năm 2020 đến tháng 4/2023 thì bể hụi nên không làm chủ hụi nữa. Sau khi bể hụi chị còn nợ nhiều người, trong đó có bà Nguyễn Hồng B . Số tiền hụi chị nợ bà B là 175.000.000đồng, sau đó chị trả dần cho bà B được 10.000.000đồng, hiện tại còn nợ 165.000.000đồng. Chị cũng thừa nhận trước đây chị có thỏa thuận chia thời gian trả nợ làm 3 đợt, nhưng sau đó hoàn cảnh khó khăn nên chị không thực hiện được.

Nay bà B khởi kiện thì chị nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà B , tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên chị xin bà B cho trả dần mỗi tháng 2.500.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền hụi 165.000.000đồng.

* Bị đơn anh Trần Minh T1 vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà B yêu cầu chị T phải trả tiền hụi còn nợ là 165.000.000đồng, chỉ yêu cầu một mình chị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà B đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, anh T1 vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng B khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị T trả lại số tiền hụi còn nợ theo thỏa thuận. Theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và

khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[2] Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh anh T1 vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị T , anh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T , anh T1 .

[3] Bà B khởi kiện cho rằng chị T có làm chủ hụi từ năm 2020 đến năm 2023, khi bể hụi bà và chị T có làm xác nhận nợ ngày 29/4/2023, chị T còn nợ tiền hụi là 165.000.000đồng. Chị T hẹn nhiều lần nhưng không trả. Bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay chị T chưa trả nên bà khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, giấy xác nhận nợ ngày 29/4/2023, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2023, ngày 14/8/2023 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hiện nay chị T còn nợ bà B số tiền hụi là 165.000.000đồng; chị T nhận trách nhiệm một mình trả nợ cho bà B (bút lục 04, 37, 38, 40, 41). Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà B là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với ý kiến cũng như yêu cầu của chị T xin trả dần mỗi tháng từ 2.500.000đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên bà B không đồng ý cho chị T trả dần. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của chị T xin trả dần. Trường hợp chị T thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền hụi là 165.000.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 165.000.000đồng x 5% = 8.250.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng B .

Buộc chị Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng B số tiền hụi là 165.000.000đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.250.000đồng (tám triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

Bà B không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền đã nộp là 4.135.000đồng theo lai thu số 0001332 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh